**TÓM TẮT**

**HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

**1. Tên dự thảo Nghị quyết:** Nghị quyết quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**2.** **Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:**

Hiện nay, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Sau đây gọi là Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND) và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND (Sau đây gọi là Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND).

Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND được xây dựng căn cứ theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (Sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN). Thông tư này hết hiệu lực thi hành toàn bộ kể từ ngày 23/6/2023 bởi Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hiệu lực từ ngày 26/02/2023 (Sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-BTC) và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu lực từ ngày 23/6/2023 (Sau đây gọi là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN).

Tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “*Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này*”. Đồng thời, theo quy định tại điểm g, Khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:*“Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ”.*

Do đó, Cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh để ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là rất cần thiết, để các nhiệm vụ được thực hiện kịp thời theo đúng quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

**3. Quá trình xây dựng Nghị quyết**

Thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, đơn vị chủ trì soạn thảo đã thực hiện đầy đủ và đúng quy trình, quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã có Văn bản số 682-CV/BCSĐ ngày 17/11/2023 xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với dự thảo Nghị quyết (lần 01) và Công văn số 58-CV/BCSĐ ngày 26/01/2024 (lần 02).

**4. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết**

Quy định định mức lập dự toán trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

- Quy định chi tiết định mức làm căn cứ lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Quy định cụ thể một số mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ: chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn, thẩm định kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Một số nội dung chi khác phục vụ hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ: chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập; chi tiền công Hội đồng đánh giá.

**4.1.** **Về định mức chi**

Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-BTC) là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao của tỉnh, cơ quan soạn thảo đề xuất định mức chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong khoảng 70-80% quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC, trong đó có một số nội dung đề xuất mức chi bằng 80% quy định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC là để khuyến khích, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh (chi thù lao và Phiếu nhận xét của các nhà khoa học, chuyên gia tham gia các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ).

Các định mức chi cụ thể:

4.1.1. Đ**ịnh mức** làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 75% quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTC. Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tính theo hệ số so với định mức của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước[[1]](#footnote-1).

*(Phương pháp, cách tính chi tiết, cụ thể được nêu tại Thuyết minh)*

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| Người chủ trì | 1.050.000 đồng/buổi | 2.000.000 đồng/buổi | **1.400.000** đồng/buổi. | 70% | Để nâng cao chất lượng các Hội thảo khoa học |
| Thư ký hội thảo | 350.0000 đồng/buổi | 500.0000 đồng/buổi | **350.0000** đồng/buổi. | 70% |
| Báo cáo viên trình bày tại hội thảo | 1.400.000 đồng/báo cáo | 3.000.000 đồng/báo cáo | **2.100.000** đồng/báo cáo. | 70% |
| Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo | 700.000 đồng/báo cáo | 1.500.000 đồng/báo cáo | **1.100.000** đồng/báo cáo. | 73% |
| Thành viên tham gia hội thảo | 150.000 đồng/thành viên/buổi | 300.000 đồng/thành viên/buổi | **200.000** đồng/thành viên/buổi. |  |

c) Chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| a) | Chi họp Hội đồng tự đánh giá | | | |  |
| Chủ tịch Hội đồng | 750.000 đồng/nhiệm vụ | 900.000  đồng/nhiệm vụ | **750.000** đồng/nhiệm vụ |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | 500.000 đồng/nhiệm vụ | 750.000  đồng/nhiệm vụ | **550.000** đồng/nhiệm vụ | 73% |  |
| Thư ký khoa học | 0 | 150.000  đồng/nhiệm vụ | **150.000** đồng/nhiệm vụ |  | Bổ sung mức chi bằng mức chi hiện hành của Thư ký |
| Thư ký hành chính | 150.000  đồng/nhiệm vụ | 150.000 đồng/nhiệm vụ | **150.000**  đồng/nhiệm vụ |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Đại biểu được mời tham dự | 100.000  đồng/nhiệm vụ | 100.000 đồng/nhiệm vụ | **100.000**  đồng/nhiệm vụ |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 250.000  đồng/phiếu | 350.000  đồng/phiếu | **250.000**  Đồng/phiếu |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | 350.000  đồng/phiếu | 500.000  đồng/phiếu | **400.000**  Đồng/phiếu | 80% | Nâng cao chất lượng bài phản biện của ủy viên phản biện |

4.1.2. Mức chi quản lý nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhiệm vụ

a) Chi thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

- Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| a) | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ **KH&CN** | | | |  |
| Chủ tịch Hội đồng | 700.000 đồng | 1.500.000 đồng | **1.100.000 đồng** | 73% |  |
| Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | 560.000 đồng | 1.000.000 đồng | **800.000** **đồng** | 80% | Thu hút, khuyến khích thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh |
| Thư ký khoa học | 0 | 300.000 đồng | **240.000 đồng** |  | Bổ sung bằng mức chi hiện hành của Thư ký hành chính |
| Thư ký hành chính | 240.000 đồng | 300.000 đồng | **240.000 đồng** |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Đại biểu được mời tham dự | 140.000 đồng | 200.000 đồng | **150.000 đồng** |  |  |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 240.000 đồng | 500.000 đồng | **350.000 đồng** | 70% |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | 350.000 đồng | 700.000 đồng | **550.000 đồng** | 78% | Nâng cao chất lượng bài nhận xét của ủy viên phản biện của Hội đồng |
| c) | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ | | | | Bổ sung theo quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTC |
| Chủ tịch hội đồng | 0 | 700.000 đồng | **500.000** **đồng** | 71% | Khuyến khích các thành viên Hội đồng xây dựng yêu cầu đặt hàng |
| Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng | 0 | 500.000 đồng | **350.000 đồng** | 70% |

- Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| a) | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ **khoa học và công nghệ** | | | |  |
| Chủ tịch Hội đồng | 1.050.000 đồng | 1.800.000 đồng | **1.300.000** **đồng** | 72% |  |
| Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | 700.000 đồng | 1.500.000 đồng | **1.100.000** **đồng** | 73% |  |
| Thư ký khoa học | 0 | 300.000 đồng | **240.000** **đồng** |  | Bổ sung bằng mức chi hiện hành của Thư ký khoa học |
| Thư ký hành chính | 240.000 đồng | 300.000đ | **240.000 đồng** |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Đại biểu được mời tham dự | 140.000 đồng | 200.000 đồng | **150.000 đồng** |  |  |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 350.000 đồng | 700.000 đồng | **500.000 đồng** | 71% |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | 490.000 đồng | 1.000.000 đồng | **800.000** **đồng** | 80% | Nâng cao chất lượng bài nhận xét của ủy viên phản biện |

- Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| a) | Chi họp Hội đồng tư vấn tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |  |
| Chủ tịch Hội đồng | 1.050.000 đồng | 1.800.000 đồng | **1.300.000** **đồng** | 72% |  |
| Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng | 700.000 đồng | 1.500.000 đồng | **1.100.000** **đồng** | 73% |
| Thư ký khoa học | 0 | 300.000 đồng | **240.000** **đồng** |  | Bổ sung bằng mức chi hiện hành của Thư ký hành chính |
| Thư ký hành chính | 240.000 đồng | 300.000 đồng | **240.000** **đồng** |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Đại biểu được mời tham dự | 140.000 đồng | 200.000 đồng | **150.000** **đồng** |  |  |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 350.000 đồng | 700.000 đồng | **500.000** **đồng** | 71% |  |
| Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | 490.000 đồng | 1.000.000 đồng | **800.000** **đồng** | 80% | Thu hút, khuyến khích thành viên Hội đồng nâng cáo chất lượng bài nhận xét, phản biện |

b) Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng | 0 | 1.500.000 đồng | **1.100.000 đồng** | 73% | Bổ sung theo quy định |

c) Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| Tổ trưởng tổ thẩm định | 490.000 đồng | 1.000.000 đồng | **700.000** **đồng** | 70% |  |
| Thành viên tổ thẩm định | 350.000 đồng | 700.000 đồng | **500.000** **đồng** | 71% |  |
| Thư ký hành chính | 240.000 đồng | 300.000 đồng | **240.000** **đồng** |  | Giữ nguyên so với hiện hành |
| Đại biểu được mời tham dự | 140.000 đồng | 200.000 đồng | **150.000** **đồng** |  |  |

d) Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức chi hiện hành** | **Mức chi thù lao theo TT 03/2023/TT-BTC** | **Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết** | | **Ghi chú** |
| **Mức chi** | **Tỷ lệ áp dụng TT 03/2023/TT-BTC** |
| Chi chuyên gia tư vấn độc lập | Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 05 (năm) lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng | Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 05 (năm) lần mức chi thù lao (bao gồm chi tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng | Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm. | 80% | Thu hút các chuyên gia đối với các nhiệm vụ cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định |

**4.2.** Các nội dung chi như: điều tra, khảo sát, công tác phí, tập huấn, biên soạn tài liệu... cơ quan soạn thảo đã đề xuất áp dụng mức chi theo các quy định hiện hành của tỉnh Bắc Kạn. Các nội dung chi khác mang tính chất đặc thù của ngành đã thực hiện trong thời gian qua như: hội thảo khoa học, họp các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ... quy định áp dụng mức chi riêng.

So với các tỉnh khác như tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Phòng áp dụng 100% quy định Thông tư số 03/2023/TT-BTC; các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Sơn La, Lào Cai ban hành định mức chi bằng 80% Thông tư số 03/2023/TT-BTC, cơ quan soạn thảo đề xuất áp dụng trong khoảng từ 70-80% định mức quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC (tùy từng nội dung cụ thể) là phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Bắc Kạn.

**4.3.**Với định mức chi đề xuất, tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm tăng thêm 18,04 % so với hiện hành, đảm bảo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và tăng không quá cao so với quy định hiện nay.

- Tổng kinh phí thực hiện 08 nhiệm vụ năm 2023:

+ Quy định hiện hành: 7.722,6 triệu đồng;

+ Dự thảo Nghị quyết: 8.940,4 triệu đồng.

- Kinh phí tăng thêm 01 năm: 464,308 triệu đồng.

+ Chi thực hiện các đề tài, dự án: 405,908 triệu đồng;

+ Chi quản lý các nhiệm vụ: 58,4 triệu đồng.

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh: Chủ nhiệm nhiệm vụ: 1.0; Thư ký Khoa học: 0.3; Thành viên chính: 0.8; Thành viên: 0.4; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ: 0.2 [↑](#footnote-ref-1)